



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y TẾ CÔNG CỘNG

HANOI UNIVERSITY OF PUBLIC HEALTH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hà Nội, tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

1. Tên chương trình đào tạo:	1
2. Trình độ đào tạo:	1
3. Tên gọi văn bằng:	1
4. Ngành đào tạo:	1
5. Mã số ngành đào tạo:	1
6. Thời gian đào tạo:.....	1
7. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo	1
8. Mục tiêu chương trình đào tạo	1
8.1. Mục tiêu chung.....	1
8.2. Mục tiêu cụ thể.....	2
9. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	2
10. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:.....	6
11. Khối lượng học tập toàn khóa	6
12. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh	7
13. Quy trình/cách thức tổ chức đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	7
14. Phương pháp dạy-học.....	8
15. Đánh giá kết quả học tập	8
16. Nội dung chương trình đào tạo	9
16.1. Các cấu phần của chương trình đào tạo.....	9
16.2. Khối lượng các học phần	10
16.2.1. Cấu phần giáo dục đại cương.....	10
16.2.2. Cấu phần giáo dục chuyên nghiệp	10
16.2.3. Nhóm học phần phân bổ trợ (tự chọn 14 TC).....	12
16.2.4. Học phần tốt nghiệp:	13
16.3. Kế hoạch đào tạo theo năm.....	13
17. Sơ đồ các học phần trong chương trình	40
18. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	41

19. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra CTĐT (các tiêu chí PLO) và thời lượng, phương pháp dạy-học và phương pháp đánh giá của các học phần trong CTĐT	43
---	----

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác xã hội

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of Social Work

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Tên gọi văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác xã hội

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of Social Work

4. Ngành đào tạo: Công tác xã hội

5. Mã số ngành đào tạo: 7760101

6. Thời gian đào tạo: 4 năm (có thể rút ngắn nếu đủ điều kiện theo quy định)

7. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo: Tháng 8/2025

8. Mục tiêu chương trình đào tạo

8.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp cung cấp nguồn nhân lực trình độ cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, y tế và kiến thức chuyên ngành về công tác xã hội, công tác xã hội trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để tạo lập mối quan hệ, thu thập thông tin, phân tích nguyên nhân và xác định vấn đề ưu tiên của đối tượng, lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động can thiệp, giám sát, đánh giá việc trợ giúp các nhóm đối tượng; có năng lực tự học, đổi mới, sáng tạo trong thời đại công nghệ số, góp phần vào công tác an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

8.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu kiến thức

PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, y tế làm nền tảng cho việc thực hiện nghề nghiệp trong các lĩnh vực công tác xã hội.

PO2: Có kiến thức công tác xã hội nói chung và công tác xã hội trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nói riêng ứng dụng vào can thiệp giải quyết các vấn đề tâm lý, xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Mục tiêu kỹ năng

PO3: Có kỹ năng chuyên môn về công tác xã hội nói chung và công tác xã hội trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nói riêng áp dụng vào can thiệp giải quyết các vấn đề tâm lý, xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm và cộng đồng.

PO4: Có kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu công việc.

Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm

PO5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, sự chuyên nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội.

PO6: Có tinh thần chủ động tự học và học tập liên tục để phát triển năng lực nghề nghiệp công tác xã hội.

9. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã	Chuẩn đầu ra	Mức độ
Kiến thức (K)		
<i>PLO1</i>	<i>Mô tả những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, y tế, thống kê, giáo dục sức khỏe, pháp luật và hệ thống y tế</i>	<i>2/6</i>
PLO1.1	Giải thích những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2/6
PLO1.2	Diễn giải những nội dung cơ bản về phục hồi chức năng, sơ cấp cứu thông thường, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm	2/6

PLO1.3	Mô tả những nội dung cơ bản về thống kê y tế, giáo dục-nâng cao sức khỏe, pháp luật đại cương, tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2/6
PLO2	<i>Vận dụng những kiến thức về tâm lý - xã hội, an sinh xã hội và chính sách xã hội</i>	3/6
PLO2.1	Phiên giải những kiến thức về tâm lý học và tâm lý học sức khỏe	3/6
PLO2.2	Áp dụng những kiến thức về xã hội học, xã hội học sức khỏe, giới và phát triển	3/6
PLO2.3	Sử dụng kiến thức cơ bản về khuôn khổ và hệ thống an sinh xã hội	3/6
PLO2.4	Phiên giải nội dung về chính sách xã hội cho một số nhóm đối tượng trong lĩnh vực công tác xã hội	3/6
PLO3	<i>Vận dụng những kiến thức nền tảng của công tác xã hội và các hướng tiếp cận làm việc trong công tác xã hội</i>	3/6
PLO3.1	Áp dụng một số lý thuyết, giá trị đạo đức và nguyên tắc làm việc trong công tác xã hội	3/6
PLO3.2	Phân biệt các lĩnh vực công tác xã hội, hệ thống cơ quan tổ chức thực hiện công tác xã hội và một số chính sách pháp luật về nghề công tác xã hội Việt Nam	3/6
PLO3.3	Sử dụng các hướng tiếp cận làm việc trong công tác xã hội, bao gồm làm việc với cá nhân và gia đình, với nhóm, phát triển cộng đồng, tham vấn tâm lý, quản lý công tác xã hội và truyền thông trong công tác xã hội	3/6
PLO4	<i>Áp dụng những kiến thức về công tác xã hội trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</i>	3/6
PLO4.1	Phiên giải các vai trò, hoạt động của nhân viên công tác xã hội với người bệnh và thân nhân người bệnh	3/6
PLO4.2	Áp dụng một số chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác xã hội trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	3/6

PLO4.3	Áp dụng một số phương pháp can thiệp của công tác xã hội với người bệnh và thân nhân người bệnh	3/6
Kỹ năng (S)		
PLO5	<i>Tham gia triển khai các dịch vụ bảo vệ khẩn cấp; dịch vụ phòng ngừa, chăm sóc, can thiệp, phục hồi và hỗ trợ phát triển cho đối tượng tại cơ sở xã hội, trường học và cộng đồng</i>	3/5
PLO5.1	Tham gia triển khai quy trình 05 bước cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng tại cơ sở xã hội, trường học, cơ sở xã hội và cộng đồng	3/5
PLO5.2	Thực hiện đúng một số kỹ năng trong cung cấp dịch vụ bảo vệ khẩn cấp; dịch vụ phòng ngừa, chăm sóc, can thiệp, phục hồi và hỗ trợ phát triển	3/5
PLO5.3	Thực hiện đúng một số kỹ thuật trong cung cấp dịch vụ bảo vệ khẩn cấp; dịch vụ phòng ngừa, chăm sóc, can thiệp, phục hồi và hỗ trợ phát triển cho đối tượng tại cơ sở xã hội, trường học và cộng đồng	3/5
PLO6	<i>Triển khai các dịch vụ trợ giúp khẩn cấp; dịch vụ hướng dẫn, can thiệp và phục hồi; dịch vụ truyền thông giáo dục sức khỏe; vận động nguồn lực cho người bệnh và thân nhân người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</i>	3/5
PLO6.1	Triển khai quy trình hỗ trợ người bệnh và thân nhân người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; vận động và điều phối nguồn lực; truyền thông; tổ chức sự kiện; tham vấn tâm lý; quản lý trường hợp, công tác xã hội nhóm	3/5
PLO6.2	Thực hiện đúng một số kỹ năng đặc thù trong công tác xã hội tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	3/5
PLO6.3	Thực hiện đúng một số kỹ thuật trợ giúp người bệnh và thân nhân người bệnh	3/5

PLO7	<i>Thể hiện năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và các kỹ năng mềm trong hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội</i>	3/5
PLO7.1	Thể hiện các kỹ năng ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp	3/5
PLO7.2	Thể hiện các kỹ năng công nghệ thông tin (bao gồm cả năng lực số) để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp	3/5
PLO7.3	Tham gia triển khai nghiên cứu khoa học về lĩnh vực công tác xã hội	2/5
PLO7.4	Thể hiện kỹ năng bày tỏ quan điểm, làm việc nhóm, giải quyết xung đột, thuyết trình, thích ứng với môi trường trong cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu của cá nhân, nhóm và cộng đồng	3/5
Mức tự chủ và trách nhiệm (A)		
PLO8	<i>Chủ động thực hiện các quy định, chính sách, pháp luật và nguyên tắc đạo đức khi thực hành nghề nghiệp trong các lĩnh vực của công tác xã hội</i>	3/5
PLO8.1	Thực hiện nghiêm túc các quy định trong quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp công tác xã hội	3/5
PLO8.2	Thể hiện thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	3/5
PLO8.3	Tuân thủ triết lý và nguyên tắc đạo đức của công tác xã hội	3/5
PLO8.4	Nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của nghề công tác xã hội	3/5
PLO9	<i>Chủ động học tập và phát triển liên tục năng lực chuyên môn nghề nghiệp công tác xã hội phù hợp với lĩnh vực công tác</i>	3/5

PLO9.1	Chủ động cập nhật kiến thức và kỹ năng chuyên môn công tác xã hội nhằm học tập và thực hành nghề nghiệp hiệu quả, phù hợp với lĩnh vực công tác	3/5
PLO9.2	Chủ động trao đổi, chia sẻ thông tin, lắng nghe ý kiến của các bên liên quan và đóng góp vào việc hướng dẫn chuyên môn công tác xã hội cho đối tác, đồng nghiệp để cùng nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, thích ứng với sự thay đổi của lĩnh vực thực hành nghề công tác xã hội	3/5
PLO9.3	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp	3/5

Ghi chú:

- Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: đạo đức và trách nhiệm (1-5) (tham khảo phụ lục đính kèm)

- Các chuẩn đầu ra cần đáp ứng đúng yêu cầu về năng lực tương ứng với mỗi trình độ tại Phụ lục Khung trình độ quốc gia (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-1982-QD-TTg-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx>)

10. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Công tác xã hội viên và nhân viên công tác xã hội tại Phòng/Tổ công tác xã hội tại các bệnh viện công lập và tư nhân.

- Chuyên viên của Bộ Y tế; Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC); Trung tâm Y tế khu vực; Cơ sở Bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội.

- Chuyên viên tại trung tâm tham vấn tâm lý; đơn vị can thiệp sớm; cơ sở giáo dục công lập và tư nhân.

- Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực công tác xã hội và chăm sóc sức khỏe; các viện nghiên cứu.

- Trợ giảng/giảng viên thực hành tại các Trường Đại học, Cao đẳng.

11. Khối lượng học tập toàn khóa

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 132 tín chỉ, trong đó 118 tín chỉ bắt buộc, 14 tín

chỉ tự chọn chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ).

12. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Y tế công cộng.

13. Quy trình/cách thức tổ chức đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo theo tín chỉ, gồm 132 tín chỉ, trong đó có 118 tín chỉ bắt buộc và 14 tín chỉ tự chọn (Sinh viên lựa chọn tối thiểu 14 tín chỉ tự chọn). Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sau khi hoàn thành đủ số học phần bắt buộc và tự chọn, người học tham gia thi lý thuyết hoặc làm khóa luận (Nếu đủ điều kiện thực hiện khóa luận theo quy định của Trường Đại học Y tế công cộng).

Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết tại trường Đại học Y tế công cộng, thực hành tại phòng thực hành của Trường Đại học Y tế công cộng và tại các cơ sở khác ngoài trường và thực hành/thực tập nghề nghiệp tại Phòng/Tổ/Ban Công tác xã hội tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân – đáp ứng đủ các tiêu chuẩn là cơ sở thực hành công tác xã hội của Trường Đại học Y tế công cộng, Trung tâm Y tế, Trạm y tế xã/phường, đơn vị tham vấn tâm lý, Ủy ban nhân dân xã/phường phù hợp với mục tiêu và nội dung đào tạo. Thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- + Lý thuyết: học tại giảng đường tại Trường Đại học Y tế công cộng
- + Thực hành: học tại giảng đường tại Trường Đại học Y tế công cộng; phòng thực hành tại Trường Đại học Y tế công cộng
- + Thực hành/thực tập nghề nghiệp: tại Phòng/Tổ/Ban Công tác xã hội tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân – đáp ứng đủ các tiêu chuẩn là cơ sở thực hành công tác xã hội của Trường Đại học Y tế công cộng, Trung tâm Y tế, Trạm y tế xã/phường, đơn vị tham vấn tâm lý, Ủy ban nhân dân xã/phường.

Người học đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo qui định hiện hành của Trường Đại học Y tế công cộng về Chuẩn đầu ra Tiếng Anh với sinh viên đại học.
- f) Đạt chuẩn đầu ra tin học theo qui định hiện hành của Trường Đại học Y tế công cộng về Chuẩn đầu ra Tin học với sinh viên đại học.

14. Phương pháp dạy-học

- Thuyết trình.
- Học tập dựa trên tình huống/vấn đề (cá nhân/nhóm.)
- Học kết hợp (blended learning)
- Thực hành/đóng vai trên lớp.
- Thực hành tại phòng thực hành/thí nghiệm tại Trường Đại học Y tế công cộng.
- Thực hành/thực tập tại bệnh viện, cơ sở thực tập.

15. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định quản lý đào tạo đại học của Trường Đại học Y tế công cộng.

a) Thang điểm 10 là thang điểm, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thực hành...) làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A+, A, B+, B, C+, C, D+, D và F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Bảng 1: Thang điểm đánh giá kết quả học tập

Thang điểm 10 (Điểm thành phần)	Thang điểm 4 (Điểm chính thức)	
	Điểm số	Điểm chữ
Từ 9,0 đến 10	4,0	A+
Từ 8,5 đến 8,9	3,7	A
Từ 8,0 đến 8,4	3,5	B+
Từ 7,0 đến 7,9	3,0	B
Từ 6,5 đến 6,9	2,5	C+
Từ 5,5 đến 6,4	2,0	C
Từ 5,0 đến 5,4	1,5	D+
Từ 4,0 đến 4,9	1,0	D
Dưới 4,0	0	F

16. Nội dung chương trình đào tạo

16.1. Các cấu phần của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
1	Cấu phần giáo dục đại cương	28	21	7
2	Cấu phần giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:			
	– Nhóm học phần cơ sở khối ngành	15	12,5	2,5
	– Nhóm học phần cơ sở ngành	20	19,5	0,5
	– Nhóm học phần chuyên ngành	49	23	26
	– Nhóm học phần bổ trợ	14	10,5	3,5
	– Học phần tốt nghiệp	6	0	6
	Tổng (1+2)	132	86,5	45,5

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

16.2. Khối lượng các học phần

16.2.1. Cấu phần giáo dục đại cương

Mã học phần	Tên học phần	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
700103003	Triết học Mác – Lênin	3	3	0
700103102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0
700103202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
700101502	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
700103302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
700410502	Pháp luật đại cương	2	2	0
700100502	Tiếng Anh 1	2	1	1
700101102	Tiếng Anh 2	2	1	1
700101302	Tiếng Anh 3	2	1	1
700102002	Tiếng Anh 4	2	1	1
700412402	Tiếng Anh 5	2	1	1
700413302	Tiếng Anh 6	2	1	1
700117203	Năng lực số	3	2	1
700101201	Giáo dục thể chất 1			
700101801	Giáo dục thể chất 2			
700102201	Giáo dục thể chất 3			
700100808	Giáo dục Quốc phòng – An ninh			
	Tổng (Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)	28	21	7

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

*

16.2.2. Cấu phần giáo dục chuyên nghiệp

Nhóm học phần cơ sở của khối ngành:

Mã học phần	Tên học phần	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
-------------	--------------	-----------	---------	---------

700411102	Sơ cấp cứu thông thường tại cộng đồng	2	2	0
700101603	Đại cương giáo dục & nâng cao sức khỏe cộng đồng	3	2	1
700416802	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	1,5	0,5
700416902	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	1	1
700411302	Bệnh không lây nhiễm	2	2	0
700410802	Bệnh truyền nhiễm	2	2	0
7001415102	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0
	Tổng	15	12,5	2,5

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

Nhóm học phần cơ sở ngành:

Mã học phần	Tên học phần	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
700410003	Tâm lý học đại cương	2	2	0
700410603	Tâm lý học sức khỏe	3	3	0
700410102	Xã hội học đại cương	2	2	0
700410202	An sinh xã hội	2	2	0
700410302	Chính sách xã hội	2	2	0
700411202	Xã hội học sức khỏe	2	2	0
700411002	Giới và phát triển	2	2	0
700300102	Thống kê y tế	2	1,5	0,5
700415603	Phục hồi chức năng	3	3	0
	Tổng	20	19,5	0,5

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

Nhóm học phần chuyên ngành:

Mã học phần	Tên học phần	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
700416703	Nhập môn công tác xã hội	3	3	0

700416004	Tham vấn tâm lý	4	3	1
700416104	Công tác xã hội với cá nhân và gia đình	4	3	1
700416203	Công tác xã hội với nhóm	3	2	1
700416303	Phát triển cộng đồng	3	2	1
700416404	Quản lý công tác xã hội cơ bản	4	3	1
700416504	Công tác xã hội trong bệnh viện	4	3	1
700416603	Truyền thông trong công tác xã hội	3	2	1
700415803	Đạo đức nghề công tác xã hội	3	2	1
700415304	Thực hành công tác xã hội với cá nhân (6 tuần)	4	0	4
700415004	Thực hành công tác xã hội với nhóm (6 tuần)	4	0	4
700415404	Thực hành phát triển cộng đồng (6 tuần)	4	0	4
700414306	Thực tập tốt nghiệp (10 tuần)	6	0	6
	Tổng	49	23	26

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

16.2.3. Nhóm học phần bổ trợ (Sinh viên lựa chọn tối thiểu 14 tín chỉ)

Mã học phần	Tên học phần	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
700412602	Công tác xã hội với trẻ có nhu cầu đặc biệt	2	1,5	0,5
700412902	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	1,5	0,5
700412702	Công tác xã hội trong trường học	2	1,5	0,5
700414702	Công tác xã hội trong chăm sóc giảm nhẹ với người bệnh ung thư	2	1,5	0,5
700413002	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, người bán dâm, người bị nhiễm HIV/AIDS	2	1,5	0,5

700413102	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1,5	0,5
700412802	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	1	1
700413602	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe người nghèo và người dân tộc thiểu số	2	1,5	0,5
700413502	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	1,5	0,5
700413702	Công tác xã hội trong quản lý thảm họa	2	1,5	0,5
700415902	Công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	2	1,5	0,5
	Tổng	14	10,5	3,5

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

16.2.4. Học phần tốt nghiệp:

Mã học phần	Tên học phần	Tổng (TC)	LT (TC)	TH (TC)
700415706	Học phần tốt nghiệp	6	0	6
	Tổng	6	0	6

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

16.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
I	Tiếng Anh 1	1	1	Tiếng Anh 2	1	1
	Năng lực số	2	1	Thống kê y tế	1,5	0,5
	Pháp luật đại cương	2	0	Nhập môn công tác xã hội	3	0
	Tâm lý học đại cương	2	0	Triết học Mác - Lênin	3	0
	Xã hội học đại cương	2	0	Tâm lý học sức khỏe	3	0

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	0	Đạo đức nghề Công tác xã hội	2	1
	Sơ cấp cứu thông thường tại cộng đồng	2	0	An sinh xã hội	2	0
				Giáo dục Quốc phòng – An ninh		
	Cộng:	13	2	Cộng:	15,5	2,5

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
II	Tiếng Anh 3	1	1	Tiếng Anh 4	1	1
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0
	Chính sách xã hội	2	0	Đại cương GDSK & nâng cao sức khỏe cộng đồng	2	1
	Giới và Phát triển	2	0	Bệnh không lây nhiễm	2	0
	Công tác xã hội với cá nhân và gia đình	3	1	Phương pháp nghiên cứu định lượng	1,5	0,5
	Xã hội học sức khỏe	2	0	Công tác xã hội nhóm	2	1
	Bệnh truyền nhiễm	2	0	Thực hành công tác xã hội với cá nhân	0	4
	Giáo dục thể chất 1			Giáo dục thể chất 2		
	Cộng:	14	2	Cộng:	10,5	7,5

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
III	Tiếng Anh 5	1	1	Tiếng Anh 6	1	1
	Phương pháp nghiên cứu định tính	1	1	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	1
	Phục hồi chức năng	3	0	Thực hành Phát triển cộng đồng	0	4
	Phát triển cộng đồng	2	1	Truyền thông trong công tác xã hội	2	1
	Quản lý công tác xã hội cơ bản	3	1	Học phần tự chọn (chọn 04 tín chỉ)	3	1
	Thực hành công tác xã hội với nhóm	0	4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0			
	Giáo dục thể chất 3					
	Cộng:	12	8	Cộng:	11	8

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
IV	Tham vấn tâm lý	3	1	Thực tập tốt nghiệp	0	6
	Học phần tự chọn (chọn 10 tín chỉ)	7,5	2,5	Học phần tốt nghiệp	0	6
	Cộng:	10,5	3,5	Cộng:	0	12

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

16.4. Mô tả học phần

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
1. Cấu phần giáo dục đại cương				
700103003	Triết học Mác – Lênin (Marxism– Leninism Philosophy)	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần , người học trình bày được nội dung cơ bản về nhập môn những nguyên lý chủ nghĩa Mác –Lênin. Người học tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản của phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật biện chứng và những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3 tín chỉ (3/0)	
700103102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marx – Lenin)	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác –Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và thế giới ngày nay. Người học phát triển tư duy, có khả năng phân tích, đánh giá và nhận diện các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường, góp phần giúp người học xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí của họ trong công việc và cuộc sống. Đồng thời, học phần này sẽ góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho người học.	2 tín chỉ (2/0)	
700103202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	(Scientific Socialism)	khi học xong học phần, người học trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học; các vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình và nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người học phát triển tư duy biện chứng, có khả năng phân tích sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân; thời đại ngày nay; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		
700101502	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's ideology)	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần người học trình bày được kiến thức nền tảng về tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm những quan điểm của Người về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng, nhà nước, văn hóa, đạo đức và con người. Người học phát triển kỹ năng tư duy khoa học, khả năng phân tích, phản biện và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đặc biệt trong xây dựng Đảng, nhà nước và khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời người học hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, nâng cao lòng yêu	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		nước, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, và thể hiện trách nhiệm trong học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.		
700103302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng trình bày, phân tích mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, quá trình ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay; vận dụng, liên hệ kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Người học có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học; có khả năng thuyết trình, làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời người học xây dựng được phẩm chất đạo đức tốt, có niềm tin và trung thành với sự lãnh đạo của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước; có tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.	2 tín chỉ (2/0)	
700410502	Pháp luật đại cương (General law)	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng tóm tắt những nội	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như Hiến pháp, Hành chính, Dân sự, Hình sự,...trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nhận biết các vi phạm pháp luật y tế và có khả năng áp dụng pháp luật trong công việc của mình.		
700100502	Tiếng Anh 1 (English 1)	Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng sử dụng chính xác động từ to be, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, đại từ chủ ngữ, tân ngữ, mạo từ, thì hiện tại đơn, cách nói giờ, trạng từ tần suất, giới từ chỉ thời gian, cách nói có thể làm gì và thích làm gì. Người học áp dụng kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu để lấy thông tin chính và các thông tin chi tiết theo các chủ đề của các bài học thông qua các dạng bài tập cấp độ sơ cấp và thực hiện các hội thoại theo các tình huống cấp độ sơ cấp.	2 tín chỉ (1/1)	
700101102	Tiếng Anh 2 (English 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng sử dụng được các thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn giản, cấu trúc used to và thì quá khứ hoàn thành; các câu điều kiện loại một và loại hai và các	2 tín chỉ (1/1)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		động từ khuyết thiếu chỉ khả năng xảy ra; thể bị động, các loại câu gián tiếp. Người học áp dụng kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, lấy thông tin chính và các thông tin chi tiết để giải các dạng bài tập đọc hiểu cấp độ tiền trung cấp và hội thoại theo các tình huống trình độ tiền trung cấp.		
700101302	Tiếng Anh 3 (English 3)	Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng sử dụng chính xác các thì cơ bản trong tiếng Anh, cách nói so sánh hơn và so sánh nhất, nhận biết và sử dụng được mệnh đề quan hệ, áp dụng được một số liên từ phổ biến trong câu. Người học áp dụng kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, lấy thông tin chính và các thông tin chi tiết theo các chủ đề của các bài học thông qua các dạng bài tập cấp độ tiền trung cấp và hội thoại theo các tình huống cấp độ tiền trung cấp.	2 tín chỉ (1/1)	
700102002	Tiếng Anh 4 (English 4)	Học phần Tiếng Anh 4 là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng sử dụng được các thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn giản, cấu trúc used to và thì quá khứ hoàn thành; các câu điều kiện loại một và loại hai và các động từ khuyết thiếu chỉ khả	2 tín chỉ (1/1)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		năng xảy ra; thể bị động, các loại câu gián tiếp. Người học có khả năng áp dụng kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, lấy thông tin chính và các thông tin chi tiết để giải các dạng bài tập đọc hiểu cấp độ tiền trung cấp và hội thoại theo các tình huống trình độ tiền trung cấp.		
700412402	Tiếng Anh 5 (English 5)	Học phần Tiếng Anh 5 là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học nắm được vốn từ vựng về chuyên ngành Công tác xã hội, củng cố các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết giúp người học có thể tự học và nghiên cứu chuyên ngành Công tác xã hội. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động nhóm, người học được trải nghiệm và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ giao tiếp, làm việc nhóm và vận dụng tiếng Anh trong thực tiễn học tập và làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội sau này.	2 tín chỉ (1/1)	
700413302	Tiếng Anh 6 (English 6)	Học phần Tiếng Anh 6 là học phần bắt buộc, thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần, người học nắm được vốn từ vựng về chuyên ngành Công tác xã hội, củng cố các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết giúp người học có thể tự học và nghiên cứu	2 tín chỉ (1/1)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		chuyên ngành Công tác xã hội. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động nhóm, người học được trải nghiệm và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ giao tiếp, làm việc nhóm và vận dụng tiếng Anh trong thực tiễn học tập và làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội sau này.		
700117203	Năng lực số (Digital literacy)	Học phần năng lực số là học phần bắt buộc thuộc cấu phần giáo dục đại cương. Sau khi học xong học phần người học có khả năng diễn giải các kiến thức cơ bản về internet, thiết bị số, phần mềm, nền tảng trực tuyến, và ứng dụng số; có kỹ năng sử dụng các thiết bị số và nền tảng trực tuyến để tạo, xử lý và chia sẻ nội dung số (văn bản, bảng tính, bài trình chiếu, hình ảnh, âm thanh, video, AI,...) phục vụ học tập và công việc. Tuân thủ quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng thiết bị số để đảm bảo an toàn dữ liệu của cá nhân, tổ chức và bên thứ ba trong học tập, làm việc và cuộc sống.	3 tín chỉ (2/1)	
2. Cấu phần giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Nhóm học phần cơ sở khối ngành				
700411102	Sơ cấp cứu thông thường tại cộng đồng (First Aids for Common Urgent Cases in	Học phần Sơ cấp cứu thông thường tại cộng đồng học là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần người học có các kiến thức cơ bản về các	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	Community)	nguyên tắc tiếp cận nạn nhân, các dấu hiệu sinh tồn, các đường dùng thuốc, và một số kỹ năng sơ cứu ban đầu cơ bản như chườm, băng bó, sơ cứu vết thương vết thương phần mềm, sơ cứu gãy xương và hồi sinh tim phổi cơ bản, chuyển thương an toàn.		
700101603	Đại cương giáo dục & nâng cao sức khỏe cộng đồng (Health Education and Health Promotion)	Học phần Đại cương giáo dục và nâng cao sức khỏe cộng đồng là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng giải thích các kiến thức cơ bản về sức khỏe, hành vi sức khỏe, các yếu tố quyết định vấn đề sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu, các chiến lược nâng cao sức khỏe cơ bản mà Tổ chức Y tế thế giới đã xác định và có kỹ năng phân tích một số lý thuyết về hành vi, thực hiện một số phương pháp truyền thông, giáo dục sức khỏe với cá nhân, nhóm và cộng đồng.	3 tín chỉ (2/1)	
700416802	Phương pháp nghiên cứu định lượng (Quantitative research methods)	Học phần Phương pháp nghiên cứu định lượng là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng xây dựng một số đề cương nghiên cứu khoa học áp dụng phương pháp định lượng, sử dụng phương pháp để thiết kế các nghiên cứu khoa học, cũng như xác định những hạn chế của	2 tín chỉ (1,5/0,5)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		các nghiên cứu. Đầu ra của khóa học là một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh cho một chủ đề nhất định của nhóm học viên.		
700416902	Phương pháp nghiên cứu định tính (Qualitative research methods)	Phương pháp nghiên cứu định tính là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu định tính, kỹ năng cần thiết giúp học viên sử dụng các kỹ thuật thu thập số liệu định tính như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trọng tâm và quan sát. Bên cạnh đó, học phần này cũng cung cấp cho học viên có được khái niệm và qui trình phân tích dữ liệu và báo cáo nghiên cứu định tính.	2 tín chỉ (1/1)	
700411302	Bệnh không lây nhiễm (Non-Communicable Diseases)	Học phần Bệnh không lây nhiễm là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần, người học mô tả được kiến thức cơ bản về triệu chứng, cơ chế bệnh sinh, yếu tố nguy cơ, triệu chứng lâm sàng cơ bản và phương pháp xử trí ban đầu một số bệnh không lây nhiễm thường gặp; phân giải một số xét nghiệm, phương pháp chẩn đoán thường dùng trong sàng lọc, theo dõi, điều trị và dự phòng các bệnh lý trên. Người học có kỹ năng thực hiện tư vấn cho cộng	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		đồng về phát hiện sớm và dự phòng một số bệnh lây truyền nhiễm thường gặp.		
700410802	Bệnh truyền nhiễm (Communicable Diseases)	Học phần Bệnh truyền nhiễm là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần, người học phân tích được đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và diễn giải được các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.	2 tín chỉ (2/0)	
7001415102	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế (Health management and organization)	Học phần Tổ chức và quản lý hệ thống y tế là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở khối ngành. Sau khi học xong học phần, người học mô tả được cấu trúc của hệ thống y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương với chức năng, nhiệm vụ tương ứng và người học có kiến thức tổng quát khi tham gia thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu ở cộng đồng.	2 tín chỉ (2/0)	
2.2 Nhóm học phần cơ sở ngành				
700410003	Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology)	Học phần Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng giải thích kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người; những vấn đề về cơ	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		sở sinh lý học và xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người; một số vấn đề cơ bản về bản chất, các thuộc tính tâm lý của nhân cách và sự hình thành nhân cách.		
700410603	Tâm lý học sức khỏe (Health Psychology)	Học phần Tâm lý học sức khỏe là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý của con người theo từng giai đoạn tuổi, nhân cách và mối quan hệ với sức khỏe; phân tích các vấn đề tâm lý thường gặp và áp dụng một số kỹ thuật trong tâm lý lâm sàng; phân tích được các cơ chế của ảnh hưởng xã hội đến tâm lý con người; mối liên quan giữa ứng phó với căng thẳng.	2 tín chỉ (2/0)	
700410102	Xã hội học đại cương (General Sociology)	Học phần Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học giải thích được kiến thức cơ bản của xã hội học, một số quy luật cơ bản của các sự kiện, hiện tượng xã hội và có thể vận dụng lý giải một số sự kiện, hiện tượng trong xã hội hiện nay.	2 tín chỉ (2/0)	
700410202	An sinh xã hội	Học phần An sinh xã hội là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	(Social Security)	phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng diễn giải những khái niệm về an sinh xã hội và các khái niệm, thuật ngữ có liên quan; mối quan hệ của an sinh xã hội và khuôn khổ an sinh xã hội; phân biệt một số mô hình an sinh xã hội của một số nước trên thế giới và hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.		
700410302	Chính sách xã hội (Social Policy)	Học phần Chính sách xã hội là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản có tính lý luận và thực tiễn về xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá và phân tích chính sách xã hội. Đồng thời môn học giúp người học định hướng tìm hiểu, nghiên cứu một số chính sách xã hội đang áp dụng ở nước ta và các chính sách có mối quan hệ mật thiết với công tác xã hội. Từ đó giúp người học có thái độ đúng đắn, niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cuộc sống.	2 tín chỉ (2/0)	
700411202	Xã hội học sức khỏe (Health Sociology)	Học phần Xã hội học sức khỏe là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng phân tích các yếu tố xã hội trong quá trình lập kế hoạch	2 tín chỉ (2/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		và thực hiện các hoạt động nghiên cứu, can thiệp trong lĩnh vực công tác xã hội. Việc xác định và phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến thái độ, hành vi của cá nhân và cộng đồng là rất cần thiết để tạo sự tiếp cận và triển khai thuận lợi của các hoạt động nghiên cứu, can thiệp trong lĩnh vực công tác xã hội.		
700411002	Giới và phát triển (Gender and development)	Học phần Giới và phát triển là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học áp dụng được kiến thức đã học để mô tả được vai trò của giới trong phát triển xã hội đồng thời phân tích được một số chiến lược, giải pháp hướng tới bình đẳng giới và phát triển cũng như phương pháp lồng ghép giới trong thực hành công tác xã hội.	2 tín chỉ (2/0)	
700300102	Thống kê y tế (Biostatistics)	Học phần Thống kê y tế là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức về các khái niệm và các đại lượng sử dụng trong Thống kê y tế và có khả năng tiến hành các kiểm định thống kê cơ bản thường được áp dụng trong các nghiên cứu khoa học và phiên giải các kết quả có được.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700415603	Phục hồi chức năng	Học phần Phục hồi chức năng là học phần bắt buộc, thuộc nhóm	3 tín chỉ (3/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	(Rehabilitation)	học phần cơ sở ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng áp dụng các kiến thức cơ bản phục hồi chức năng xã hội, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và các nội dung hoạt động của phục hồi chức năng xã hội bao gồm: giáo dục hòa nhập, công ăn việc làm và hòa nhập xã hội cho người khuyết tật và kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng y tế; các dạng khuyết tật và kỹ thuật phục hồi chức năng các dạng khuyết tật thường gặp tại Việt Nam; các công cụ đánh giá khuyết tật trong thực hành nghề công tác xã hội.		
2.2. Nhóm học phần chuyên ngành				
700416703	Nhập môn công tác xã hội (Introduction to Social Work)	Học phần Nhập môn công tác xã hội là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học diễn giải được các nội dung lý luận cơ bản về công tác xã hội; một số lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội; một số kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong thực hành công tác xã hội. Người học cũng có khả năng tóm tắt được kiến thức về các lĩnh vực công tác xã hội, hệ thống cơ bản tổ chức thực hiện công tác xã hội; chính sách, luật pháp và định hướng phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam.	3 tín chỉ (3/0)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
700416004	Tham vấn tâm lý (Psychological Counseling)	Học phần Tham vấn tâm lý là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được kiến thức tổng quan về tham vấn, một số các kỹ năng, kỹ thuật ứng dụng trong tham vấn và quy trình tham vấn trong công tác xã hội, giúp người học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp công tác xã hội trong trợ giúp cá nhân, nhóm tại các cơ sở y tế.	4 tín chỉ (3/1)	
700416104	Công tác xã hội với cá nhân và gia đình (Social Work with Individuals and Families)	Học phần Công tác xã hội với gia đình là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng diễn giải lý luận về công tác xã hội cá nhân và gia đình, những lý thuyết công tác xã hội cá nhân ứng dụng trong việc giải quyết vấn đề của thân chủ. Từ đó, người học giải thích được tiến trình thực hành và sử dụng được một số kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp khi làm việc với người bệnh và gia đình tại các cơ sở y tế.	4 tín chỉ (3/1)	
700416203	Công tác xã hội với nhóm (Social Work with Groups)	Học phần Công tác xã hội với nhóm là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội nhóm, nền tảng lý thuyết ứng dụng công tác xã hội	3 tín chỉ (2/1)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		nhóm, tiến trình thực hành công tác xã hội nhóm và thực hành một số kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm để trợ giúp cho nhóm người bệnh và thân nhân người bệnh.		
700416303	Phát triển cộng đồng (Community Development)	Học phần Phát triển cộng đồng là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng, vấn đề của cộng đồng, tiến trình giải quyết vấn đề của cộng đồng và phác họa được một dự án phát triển cộng đồng. Người học có khả năng thực hiện một số kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong việc trợ giúp cộng đồng có vấn đề.	3 tín chỉ (2/1)	
700416404	Quản lý công tác xã hội cơ bản (Basic social work management)	Học phần Quản lý công tác xã hội cơ bản là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề liên quan đến quản lý công tác xã hội ở cấp độ nhân viên và cấp độ tổ chức và một số kỹ năng cơ bản trong quản lý công tác xã hội.	4 tín chỉ (3/1)	
700416504	Công tác xã hội trong bệnh viện (Social Work in Hospital)	Học phần Công tác xã hội trong bệnh viện là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần người học có khả năng trình	4 tín chỉ (3/1)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	Setting)	bày các kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong bệnh viện, hệ thống công tác xã hội trong bệnh viện, mô hình công tác xã hội trong bệnh viện. Người học cũng có khả năng thực hiện các phương pháp can thiệp, kỹ năng và quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.		
700416603	Truyền thông trong công tác xã hội (Communication in Social Work)	Học phần Truyền thông trong công tác xã hội là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về truyền thông trong công tác xã hội tiến trình và một số kỹ năng của truyền thông trong công tác xã hội để giúp cá nhân, nhóm và cộng đồng tự giải quyết những vấn đề của cuộc sống.	3 tín chỉ (2/1)	
700415803	Đạo đức nghề công tác xã hội (Social work ethics)	Học phần Đạo đức nghề công tác xã hội là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học nắm được kiến thức về đạo đức nghề trong lĩnh vực y tế nói chung và đạo đức nghề công tác xã hội nói riêng và có khả năng áp dụng đạo đức nghề công tác xã hội vào trong thực hành nghề nghiệp.	3 tín chỉ (2/1)	
700415304	Thực hành công tác xã hội với cá nhân (Social Work Practice with	Học phần Thực hành công tác xã hội với cá nhân là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng	4 tín chỉ (0/4)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	Individuals)	trợ giúp đối tượng (người bệnh, người nhà người bệnh) điều trị tại cơ sở y tế nhằm giải quyết các vấn đề khó khăn tâm lý – xã hội của đối tượng cá nhân theo tiến trình công tác xã hội với cá nhân gồm 6 bước (Tiếp cận và tạo lập mối quan hệ; Thu thập thông tin; Đánh giá nguyên nhân và xác định vấn đề ưu tiên của cá nhân; Xây dựng kế hoạch can thiệp; Triển khai hoạt động; Lượng giá và kết thúc). Ngoài ra người học được tham gia vào các hoạt động thường quy tại cơ sở thực hành.		
700415004	Thực hành công tác xã hội với nhóm (Social Work Practice with Groups)	Học phần Thực hành công tác xã hội với nhóm là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng trợ giúp nhóm đối tượng (người bệnh, thân nhân người bệnh) điều trị tại cơ sở y tế nhằm giải quyết các vấn đề khó khăn tâm lý – xã hội của nhóm đối tượng theo tiến trình công tác xã hội với nhóm. Học phần này góp phần hình thành năng lực của nhân viên công tác xã hội đối với người học trong việc thành lập nhóm, triển khai hoạt động của nhóm, lượng giá và kết thúc hoạt động nhóm và các hoạt động thường quy tại cơ sở thực hành.	4 tín chỉ (0/4)	
700415404	Thực hành phát triển	Học phần Thực hành phát triển cộng đồng là học phần bắt buộc,	4 tín chỉ (0/4)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	cộng đồng (Social Work Practice with Communities)	thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng ứng dụng những kiến thức cơ bản đã học được về phát triển cộng đồng (thông qua việc tóm tắt được vấn đề của cộng đồng và tiến trình giải quyết vấn đề; sử dụng được một số kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành công tác xã hội trong việc trợ giúp cộng đồng có vấn đề). Học phần này góp phần hình thành năng lực của nhân viên công tác xã hội trong việc giải quyết vấn đề sức khỏe của cộng đồng.		
700414306	Thực tập tốt nghiệp (Graduate Internship)	Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng tóm tắt thông tin chung về cơ sở thực tập, triển khai tiến trình 06 bước của Công tác xã hội với cá nhân trong việc hỗ trợ người bệnh hoặc tiến trình 04 giai đoạn của Công tác xã hội với nhóm trong việc hỗ trợ nhóm người bệnh/thân nhân người bệnh tại bệnh viện. Bên cạnh đó, người học có thể áp dụng một số kỹ năng, kỹ thuật công tác xã hội với cá nhân trong việc hỗ trợ người bệnh hoặc một số kỹ năng, kỹ thuật công tác xã hội với nhóm trong việc hỗ trợ nhóm người bệnh/thân nhân người bệnh tại bệnh viện.	6 tín chỉ (0/6)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
2.3. Nhóm học phần bổ trợ				
700412602	Công tác xã hội với trẻ có nhu cầu đặc biệt (Social work with children with special needs)	Học phần Công tác xã hội với trẻ có nhu cầu đặc biệt là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về trẻ em có nhu cầu đặc biệt, công tác xã hội với trẻ có nhu cầu đặc biệt; xác định các vấn đề thường gặp ở trẻ em có nhu cầu đặc biệt. Ngoài ra, người học nắm được các phương pháp sàng lọc và sử dụng được một số kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội với trẻ em có nhu cầu đặc biệt.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700412902	Công tác xã hội với người khuyết tật (Social work with people with disabilities)	Học phần Công tác xã hội với người khuyết tật là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học có thể mô tả những kiến thức cơ bản về người khuyết tật, công tác xã hội với người khuyết tật; xác định các vấn đề thường gặp ở người khuyết tật; mô hình hỗ trợ và hệ thống pháp luật hệ thống luật pháp, các văn bản pháp lý dành cho người khuyết tật hiện nay tại Việt Nam. Ngoài ra, người học nắm được số kỹ năng tác nghiệp trong công tác xã hội với người khuyết tật	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700412702	Công tác xã hội trong trường học (Social work in schools)	Học phần Công tác xã hội trong trường học là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người	2 tín chỉ (1,5/0,5)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
		học trình bày được một kiến thức tổng quan công tác xã hội trong trường học; một số lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội trường học; một số vấn đề thường gặp với học sinh trong trường học và các phương pháp can thiệp công tác xã hội trường học		
700414702	Công tác xã hội trong chăm sóc giảm nhẹ với người bệnh ung thư (Social work in palliative care with cancer patients)	Học phần Công tác xã hội trong chăm sóc giảm nhẹ với người bệnh ung thư là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng diễn giải kiến thức về khái niệm, đặc điểm về tâm lý, thể chất của người bệnh ung thư gặp phải, thực hiện một số kỹ năng chuyên ngành về công tác xã hội trong trợ giúp người bệnh ung thư và gia đình tại các cơ sở y tế.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700413002	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, người bán dâm, người bị nhiễm HIV/AIDS (Social Work with Drug Users, Sex Workers, HIV/AIDS)	Học phần Công tác xã hội với người nghiện ma túy, người bán dâm, người bị nhiễm HIV/AIDS là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các kiến thức cơ bản về nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS. Từ đó, người học áp dụng quy trình tư vấn, kỹ năng và kỹ thuật của công tác xã hội trong việc trợ giúp nhóm đối tượng đặc thù này.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	

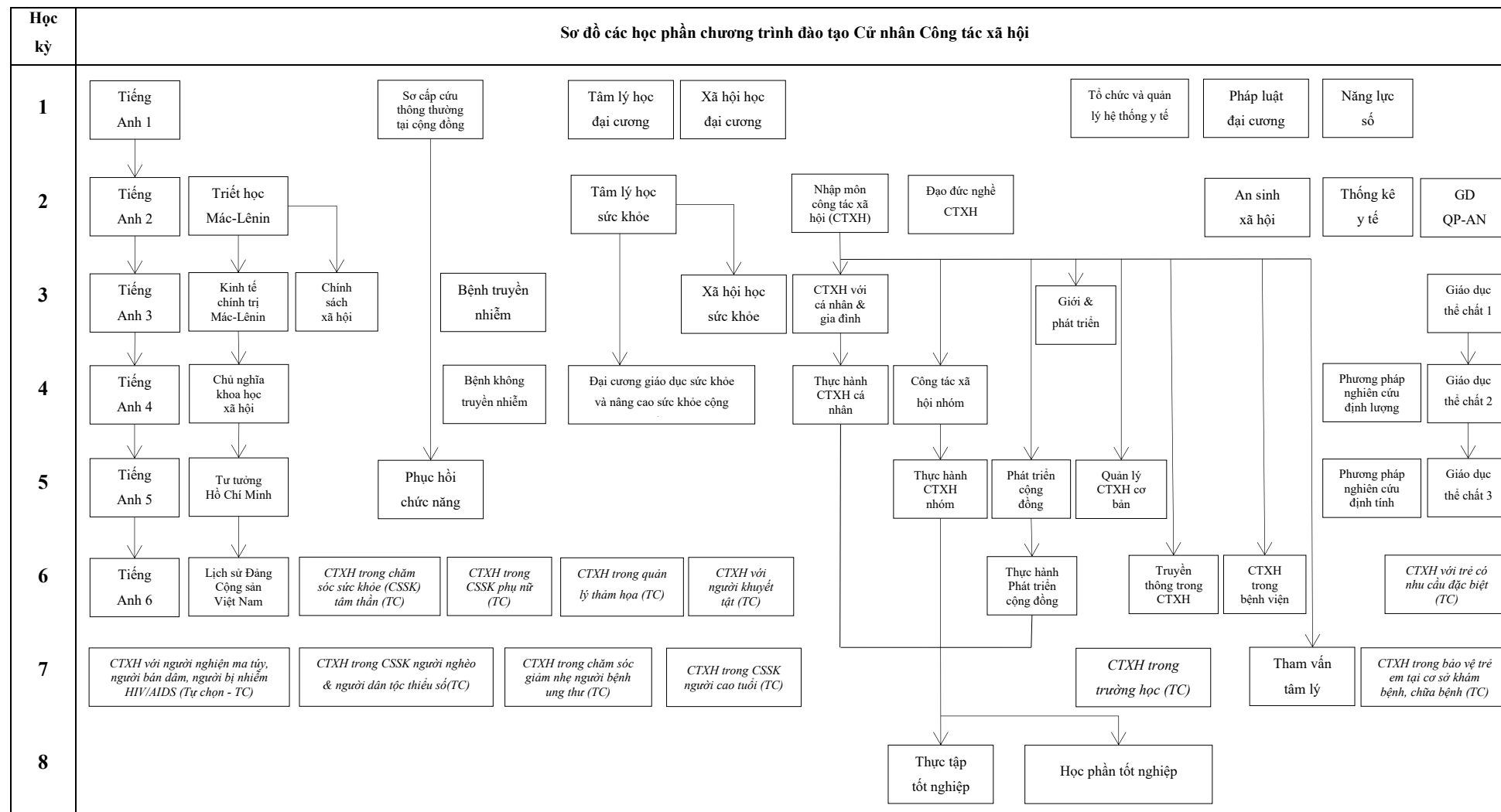
STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
700413102	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần (Social work in mental health care)	Học phần Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng nhận biết, sàng lọc một số vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến, mô tả hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần tại Việt Nam và một số chính sách liên quan. Từ đó, người học áp dụng các kỹ năng trong chăm sóc sức khỏe tâm thần và áp dụng được kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội khi làm việc trực tiếp với nhóm đối tượng này.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700412802	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ (Social work in women's health care)	Học phần Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về sức khỏe phụ nữ, về nội dung trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ và thực hiện kỹ năng của công tác xã hội khi làm việc trực tiếp với nhóm đối tượng này.	2 tín chỉ (1/1)	
700413602	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe người nghèo và người dân tộc thiểu số (Social work in health care for the poor and	Học phần Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe người nghèo và người dân tộc thiểu số là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về sức khỏe người nghèo và người dân tộc thiểu số, về nội dung	2 tín chỉ (1,5/0,5)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	ethnic minorities)	trong chăm sóc sức khỏe người nghèo và người dân tộc thiểu số và thực hiện một số kỹ năng của công tác xã hội khi làm việc trực tiếp với nhóm đối tượng này.		
700413502	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (Social work in elderly health care)	Học phần Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học diễn giải được những kiến thức cơ bản về sức khỏe người cao tuổi và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và áp dụng được kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội khi làm việc trực tiếp với nhóm đối tượng này.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700413702	Công tác xã hội với quản lý thảm họa (Social work with disaster management)	Học phần Công tác xã hội với quản lý thảm họa là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được những lý luận cơ bản và các hoạt động công tác xã hội trong tình huống khẩn cấp. Ngoài ra, người học được tiếp cận các kỹ năng và công cụ ứng dụng trong công tác xã hội trong tình huống khẩn cấp.	2 tín chỉ (1,5/0,5)	
700415902	Công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Social work in child protection at medical	Học phần Công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần bổ trợ. Sau khi học xong học phần, người học nắm được kiến thức về các vấn đề của một số nhóm trẻ em đặc thù tại cơ sở khám bệnh,	2 tín chỉ (1,5/0,5)	

STT/ Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH)	Ghi chú
	examination and treatment facilities)	chữa bệnh và quy trình cơ bản trong bảo vệ một số nhóm trẻ em đặc thù tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.		
2.4. Học phần tốt nghiệp				
700415706	Học phần tốt nghiệp	Người học có thể thực hiện học phần tốt nghiệp theo 02 hình thức: Khóa luận tốt nghiệp (Nếu người học đáp ứng đủ điều kiện thực hiện khóa luận theo quy định) hoặc Thi tốt nghiệp. + Với Khóa luận tốt nghiệp: Người học tiến hành thực hiện theo một trong các chủ đề thuộc lĩnh vực công tác xã hội trong bệnh viện. Người học thực hiện trong thời gian 10 tuần dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhà trường. Sau khi hoàn thành, người học bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. + Với thi tốt nghiệp (Hình thức thi trắc nghiệm kết hợp với tự luận) đánh giá tổng hợp người học về kiến thức công tác xã hội chung và kiến thức công tác xã hội trong bệnh viện.	6 tín chỉ (0/6)	

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành (bao gồm cả thực hành trên lớp, tại phòng thực hành/thí nghiệm hoặc tại cơ sở thực thành, thực địa)

17. Sơ đồ các học phần trong chương trình



Ghi chú: Học phần có mũi tên xuất phát là học phần tiên quyết hoặc học trước học phần có mũi tên đến

18. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

Mục tiêu Chuẩn đầu ra	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1.1	X					
PLO1.2	X					
PLO1.3	X					
PLO2.1		X				
PLO2.2		X				
PLO2.3		X				
PLO2.4		X				
PLO3.1		X				
PLO3.2		X				
PLO3.3		X				
PLO4.1		X				
PLO4.2		X				

PLO4.3		X				
PLO5.1			X			
PLO5.2			X			
PLO5.3			X			
PLO6.1			X			
PLO6.2			X			
PLO6.3			X			
PLO6.5			X			
PLO7.1				X		
PLO7.2				X		
PLO7.3				X		
PLO7.4				X		
PLO8.1					X	
PLO8.2					X	
PLO8.3					X	

PLO8.4					X	
PLO9.1						X
PLO9.2						X
PLO9.3						X

Ghi chú: Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT

19. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra CTĐT (các tiêu chí PLO#.#) và thời lượng, phương pháp dạy-học và phương pháp đánh giá của các học phần trong CTĐT

Chi tiết trong file excel đính kèm

KHOA ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Lê Thị Vui

Đỗ Thị Hạnh Trang